

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự toán: **Mua thực phẩm nấu ăn cho người cao tuổi và trẻ em năm 2025.**
- Tên gói thầu: **Mua thực phẩm nấu ăn cho người cao tuổi và trẻ em năm 2025.**
- Chủ đầu tư: **Trung tâm Bảo trợ và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội Bến Tre.**

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung là các yêu cầu về chủng loại, tiêu chuẩn hàng hóa và các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, đóng gói, vận chuyển, điều kiện khí hậu tại nơi hàng hóa được sử dụng. Tùy thuộc vào sự phức tạp của hàng hóa, các yêu cầu kỹ thuật chung được nêu cho tất cả các hàng hóa hoặc cho từng loại hàng hóa riêng biệt:

- Tiêu chuẩn hàng hóa: Hàng hoá phải tuân thủ theo các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hoá có xuất xứ.
- Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm đóng gói: Bao bì đóng gói, thông số kỹ

thuật theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất và hàng hoá phải còn nguyên đai nguyên kiện.

- Thực hiện nghiệm thu chất lượng hàng hóa trước khi đưa vào sử dụng.
- Có phương án, kế hoạch bảo hành, đổi trả hàng hóa.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể như tính năng, thông số kỹ thuật, các bản vẽ, catalô, các thông số bảo hành... được nêu cho từng loại hàng hóa. Khi nêu yêu cầu, các thông số kỹ thuật có thể được mô tả dưới hình thức bảng biểu. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu. Chủ đầu tư phải soạn thảo chi tiết phần Thông số kỹ thuật trên cơ sở xem xét đến những yếu tố sau:

- Thông số kỹ thuật bao gồm các tiêu chuẩn làm căn cứ cho Chủ đầu tư, tổ chuyên gia xác minh tính đáp ứng về mặt kỹ thuật và đánh giá E-HSDT. Do đó, nếu thông số kỹ thuật được xác định đầy đủ, rõ ràng thì sẽ giúp nhà thầu chuẩn bị tốt E-HSDT và có tính đáp ứng cao, đồng thời giúp tổ chuyên gia nghiên cứu, đánh giá và so sánh các E-HSDT.

- Thông số kỹ thuật yêu cầu tất cả các hàng hóa và vật liệu, vật tư sử dụng cho hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng, sử dụng toàn bộ các cải tiến mới nhất về thiết kế và vật liệu, trừ trường hợp có quy định cụ thể khác trong hợp đồng.

- Thông số kỹ thuật phải đủ khái quát để tránh gây hạn chế liên quan đến các yêu cầu tay nghề và vật tư thiết bị thường được sử dụng để sản xuất các hàng hóa thuộc loại tương tự.

- Thông số kỹ thuật phải mô tả đầy đủ các yêu cầu liên quan và không giới hạn ở những điểm sau đây:

- + Các tiêu chuẩn về vật liệu, vật tư và tay nghề cần thiết để sản xuất chế tạo hàng hóa;

- + Các yêu cầu chi tiết về thử nghiệm (loại hình và số lần thử);

- + Các công việc bổ sung khác và/hoặc các dịch vụ liên quan cần thiết để giao hàng/hoàn thành đầy đủ;

- + Các hoạt động cụ thể mà Nhà thầu sẽ phải thực hiện và sự tham gia của Chủ đầu tư;

- + Danh sách các yêu cầu bảo đảm chức năng vận hành cụ thể thuộc phạm vi bảo hành và quy định bồi thường thiệt hại nếu các yêu cầu bảo đảm nói trên không được thực hiện.

- Thông số kỹ thuật phải nêu rõ tất cả các đặc tính và yêu cầu về công năng và kỹ thuật, bao gồm các giá trị tối đa và tối thiểu được bảo đảm hoặc được chấp nhận, tùy theo trường hợp. Nếu cần, Chủ đầu tư phải cung cấp thêm một biểu mẫu

đặc biệt để Nhà thầu cung cấp các thông tin chi tiết về các đặc tính công năng và kỹ thuật của hàng hóa so với các giá trị được bảo đảm hoặc được chấp nhận.

- Tiến độ giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ theo yêu cầu tại các mẫu số 01A, 01B, 01C và 01D Chương IV. Nếu Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp trong E-HSDT của mình một phần hoặc toàn bộ các thông số kỹ thuật, các bảng biểu kỹ thuật hoặc các thông tin kỹ thuật khác thì Chủ đầu tư phải quy định rõ tính chất và mức độ thông tin yêu cầu và cách trình bày các thông tin đó trong E-HSDT.

Nếu yêu cầu cung cấp bản tóm tắt thông số kỹ thuật thì Chủ đầu tư phải ghi thông tin vào bảng dưới đây. Nhà thầu sẽ soạn một bảng tương tự để chứng minh hàng hóa do nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu đó.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Gạo	Gạo: đạt QCVN 8-1: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm; QCVN 8-2: 2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm; Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
2	Thịt nạc đùi bò	Thịt đùi bò tươi, cắt sẵn miếng vừa ăn; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...
3	Thịt heo sườn cốt lết	Thịt sườn cốt lết heo tươi, cắt sẵn miếng vừa ăn; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...
4	Thịt nạc heo	Thịt nạc heo tươi, cắt sẵn miếng vừa ăn; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...
5	Thịt đùi heo	Thịt tươi, không đông lạnh; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...
6	Thịt heo quay	Thịt ba rọi tươi quay miếng; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...
7	Thịt vịt xiêm	Làm sạch; chặt cục vừa ăn; lấy phần thân; bỏ đầu, chân, cánh, không ướp lạnh; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
8	Thịt vịt tàu	Làm sạch; chặt cục vừa ăn; lấy phần thân; bỏ đầu, chân, cánh, không ướp lạnh; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm

9	Thịt gà thả vườn	Làm sạch; chặt cục vừa ăn; lấy phần thân; bỏ đầu, chân, cánh, không ướp lạnh; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
10	Thịt gà công nghiệp	Làm sạch; chặt cục vừa ăn; lấy phần thân; bỏ đầu, chân, cánh, không ướp lạnh; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm
11	Gà ác	Làm sạch, không ướp lạnh; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Quy cách: 135-160g/con
12	Cá biển	Làm sạch, bỏ ruột; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... - Quy cách: size từ 8 - 10 con/kg;
13	Cá điêu hồng	Làm sạch; bỏ ruột; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Quy cách: từ 700g-800g/con.
14	Cá lóc	Làm sạch; bỏ ruột; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Quy cách: từ 600g-800g/con
15	Cá xay	Cá basa xay; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Quy cách: túi 1/2kg.
16	Sò huyết	Làm sạch; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,...
17	Tép	Tép tươi, làm sạch, cắt bỏ đầu; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Quy cách: size tép từ 140 con - 185 con/kg.
18	Tôm thẻ lớn	Tôm tươi, làm sạch, cắt bỏ đầu; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Quy cách: size tôm từ 30 con - 40 con/kg.
19	Mực nang lớn	Mực tươi, làm sạch; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Quy cách: size mực từ 4 - 6 con/kg.
20	Mắm cá linh	- Được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm,... Trọng lượng: 500g/hũ.
21	Mắm tép	- Được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm; đáp ứng TCCS của nhà sản xuất,... Trọng lượng: 500g/hũ.
22	Khô cá dứa lạt	Khô cá dứa cọng; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm; đáp ứng TCCS của nhà sản

		xuất,... Quy cách: 500g/túi.
23	Trứng gà lạt	Trứng gà, đóng gói thành vỉ. Quy cách: 10 trứng/vỉ.
24	Trứng vịt lạt	Trứng vịt, đóng gói thành vỉ. Quy cách: 10 trứng/vỉ.
25	Trứng vịt lộn	Trứng vịt lộn, đóng gói thành vỉ. Quy cách: 10 trứng/vỉ.
26	Bắp trái (bắp mỹ)	Tươi,... - Quy cách: Bắp 2-3 trái/kg.
27	Bắp cải trắng	Tươi,...
28	Bắp chuối bào	Tươi, bào mỏng,...
29	Củ sắn	Gọt vỏ, tươi,... Quy cách: 2-3 củ/kg.
30	Củ cải đỏ	Gọt vỏ, tươi,... Quy cách: 4-6 củ/kg.
31	Củ cải trắng	Gọt vỏ, tươi,.... Quy cách: 4-6 củ/kg.
32	Bí đỏ	Tươi, gọt vỏ. Quy cách: 600g-800g/trái.
33	Củ su	Gọt vỏ, tươi,.... Quy cách: 3-4 củ/kg.
34	Bí đao	Tươi xanh; gọt vỏ,...
35	Cải thìa	Tươi,..
36	Cải thảo	- Tươi,...
37	Bạc hà	Tươi xanh; gọt vỏ,...
38	Cà chua	Tươi, chín vừa. Quy cách: 10-15 trái/kg.
39	Cần tàu	Tươi,....
40	Củ hành tây	Tươi. Quy cách: 3-5 củ/kg.
41	Củ hành tím	Tươi
42	Mướp	Tươi, gọt vỏ.

43	Dưa leo	Dưa leo tươi xanh. Quy cách: từ 7-10 trái/kg.
44	Dưa cải	Giòn, dai, vắt khô nước.
45	Đậu bắp	Tươi, non, xanh.
46	Đậu bún	Tươi, non, xanh.
47	Đậu hũ chiên	Quy cách: 6cm x 5cm x 2cm (hoặc thể tích: ≥ 60 cm ³). Xuất xứ: Việt Nam.
48	Đậu đen	Khô, không bị sâu, mốc.
49	Nấm rom	Nấm búp.
50	Nấm mèo	Khô; đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất; đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất.
51	Măng tươi	Đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất; đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất.
52	Măng khô	Đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất; đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất.
53	Sả	Bào, băm sẵn.
54	Rau muống	Tươi xanh,...
55	Rau tập tàn	Tươi xanh,...
56	Rau nôm (Hành lá, ngò rí, ngò gai, rau om,...)	Tươi xanh.
57	Rau sống (xà lách, quế, rau răm, húng cây, tía tô,...)	Tươi xanh.
58	Khô qua (trái/bào sẵn)	Tươi, không chín.
59	Khóm	Chín vừa, tươi, gọt vỏ. Quy cách: từ 600g-700g/trái.
60	Khoai mỡ	Khoai mỡ, gọt vỏ.
61	Khoai lang	Khoai lang, gọt vỏ
62	Khoai tây	Khoai tây, gọt vỏ.
63	Gừng	Gọt vỏ.

64	Me	Bóc vỏ.
65	Giá	Tươi, khô ráo.
66	Hẹ	Tươi, xanh.
67	Ớt sừng	Chín, tươi.
68	Bánh canh bột lọc	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
69	Bánh hỏi	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
70	Bánh mì không	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
71	Bún	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
72	Hủ tiếu	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
73	Bột năng	Quy cách: 400gram/bịch. Đóng gói theo tiêu chuẩn nhà sản xuất; đáp ứng TCCS của nhà sản xuất
74	Nước dừa	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
75	Nước cốt dừa	Đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
76	Bơ	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
77	Cam sành	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
78	Chuối xiêm chín	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
79	Mận an phước	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
80	Mít	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
81	Ôi nữ hoàng	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
82	Xoài chín	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
83	Dưa hấu	Chín, tươi; được cung cấp tại cơ sở sản xuất đủ điều kiện an toàn thực phẩm.
84	Hạt điều ướp thịt	Quy cách: 500g/gói. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...

85	Gói ướp (lagu, lấu,..)	Xốt gia vị hoàn chỉnh bò kho. Quy cách: 80g/gói. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
86	Thuốc bắc	Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
87	Đường cát trắng to	Quy cách: 1kg/túi. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
88	Muối I ốt	Quy cách: 1kg/túi. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
89	Tiêu xay	Tiêu sọ xay Quy cách: 1 kg.
90	Tỏi thường	Củ lớn nguyên, chưa lột vỏ,... Quy cách: 1 kg.
91	Bột ngọt	Quy cách: 454g/túi. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
92	Hạt nêm	Quy cách: 400g/túi. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
93	Nước mắm (kho/ ăn sống)	Quy cách: 900ml/chai. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
94	Nước màu dừa	Quy cách: chai 1 lít.
95	Nước tương	Quy cách: ≥ 480 ml/chai. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
96	Dầu ăn	Dầu thực vật Quy cách: chai 1 lít.
97	Nước ngọt có ga	Quy cách: Thùng 24 lon x 320ml. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
98	Sữa tươi	Sữa tươi, đường,... Quy cách: 180ml x 48 hộp. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
99	Sữa bột dinh dưỡng	Sữa bột dinh dưỡng dùng cho trẻ từ 2-6 tuổi. Quy cách: Hộp 900 gram. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...
100	Sữa bột dinh dưỡng	Sữa bột dinh dưỡng cho trẻ từ 6-12 tháng Quy cách: Hộp 900 gram. Đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở của nhà sản xuất,...

Ghi chú:

- Hàng hóa phải mới 100% chưa qua sử dụng được sản xuất từ năm 2025 trở về đây

- Thông số kỹ thuật tương đương: là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ tương đương hoặc cao hơn các nội dung yêu cầu của E-HSMT nhà thầu phải đề xuất một nhà sản xuất hoặc chủng loại thiết bị cụ thể.

- Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa: Nhà thầu có trách nhiệm khảo sát địa điểm cung cấp hàng hóa (về giao thông, điều kiện cơ sở hạ tầng, kho bãi tập kết bảo quản thiết bị ...) theo danh mục và số lượng được chủ đầu tư yêu cầu. Có thuyết minh cụ thể các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa.

Trong quá trình đánh giá E-HSMT, trong trường hợp cần thiết chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu nộp hàng mẫu để xem xét, đánh giá. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải bàn giao hàng mẫu cho chủ đầu tư. Nếu hàng mẫu sai khác so với tiêu chí đã chào trong E-HSMT và không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật thì E-HSMT sẽ bị đánh giá là không đáp ứng

1.3. Các yêu cầu khác

Thời gian đáp ứng các yêu cầu đổi trả

+ Đơn vị cung cấp đảm bảo có mặt tại trụ sở, nơi có sự cố trong vòng 24 giờ làm việc khi nhận được yêu cầu về sự cố.

Thời gian đáp ứng các yêu cầu bảo hành

+ Thời hạn bảo hành là: ≥ 365 ngày hoặc theo quy định của nhà sản xuất.

+ Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Trung tâm Bảo trợ và Cung cấp dịch vụ công tác xã hội Bến Tre, địa chỉ: Số 09A, đường 883, khu phố 1, Phường Sơn Đông, tỉnh Vĩnh Long.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa sau khi bàn giao phải được kiểm tra thử nghiệm đúng quy định; được giám sát của Chủ đầu tư xác nhận đạt chất lượng, vận hành thử nghiệm đúng thông số kỹ thuật trước khi nghiệm thu..